

BIBLIOGRAPHY

- Athanasiadou, Angeliki and Elzbieta Tabakowska (eds.). 1998. *Speaking of emotions. Conceptualization and expression*. Berlin/New York: Mouton de Gruyter.
- Balaban, John. 1975. Vietnamese Oral Poetry. In *Literature, East and West*, Vol. XVI, No.4, April. Pennsylvania: The Pennsylvania State University.
- Bùi Mạnh Nhi, (ed.), 2nd edition. 2001. *Văn học dân gian: Những công trình nghiên cứu*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Giáo dục. (*Studies on folk Literature*. Ho Chi Minh City: Publisher of Education.)
- Burnett, David. 1990. *Clash of worlds*. Great Britain: MARC.
- Bussmann, Hadumod. 1996. *Routledge Dictionary of Language and Linguistics* (translated and edited by Trauth P. Gregory and Kerstin Kazzazzi). London and New York: Routledge.
- Dictionary of Synonyms and antonyms*. 1998. Berlin and Munich: Langescheidt.
- Đào Duy Anh. 2000. *Việt Nam văn hoá sử cương*, tái bản lần thứ nhất. Hà Nội: Nhà xuất bản hội nhà văn. (*A brief look of Vietnamese culture*, 1st edition. Hanoi: Publisher of Writer Association.)
- Đào Thản. 2001. *Một sợi rơm vàng*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản trẻ. (*A Golden Straw*. Ho Chi Minh City: Publisher of the Youth.)
- Đỗ Bình Trị. 1995. Anh đi anh nhớ. Trong: Vũ Tiến Quỳnh, 1995. *Phê bình, bình luận văn học- ca dao, tục ngữ*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh. (On leaving, I remember. In: Vu, Tien Quynh. 1995. *Commenting literature: folksongs and proverbs*. Ho Chi Minh City: Publisher of Van nghe.)

- _____. 1999. *Những đặc điểm thi pháp của văn học dân gian*. Hà Nội: Nhà xuất bản giáo dục. (Literary characteristics of folk literature. Hanoi: Publisher of Education.)
- Ellis, Claire. 1995. *Culture shock! Vietnam*. Times Books International.
- Gannon, Martin J. 2001. *Understanding global cultures. Metaphorical journeys through 23 nations*. Thousand Oaks/London/New Delhi: Sage Publications, Inc.
- Gibbs, Raymond W. 1994. *The poetics of mind. Figurative thought, language, and understanding*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Hà Quang Năng. 2000. Đặc trưng của phép ẩn dụ trong ca dao Việt Nam-Một sự thể hiện bản sắc văn hoá của người Việt qua các hình thể ngôn từ ẩn dụ. (Characteristics of metaphors in Vietnamese folk songs- A worldview reflection of Vietnamese culture by metaphors). Paper presented in The Fifth Symposium on Language and Linguistics. Ho Chi Minh City. November 16-17, 2000.
- Harkins, Jean and Anna Wierzbicka (ed.). 2001. *Emotions in crosslinguistics perspective*. Berlin/New York: Mouton de Gruyter.
- Hatim, Basil. 1997. *Communication across cultures. Translation theory and contrastive text linguistics*. UK: University of Exeter Press.
- Hiebert, Paul G. 1976. *Cultural Anthropology*. Philadelphia: J.P. Lippincott.
- Hoàng Khê (ed.), 4th edition. 1995. *Từ điển tiếng Việt*. Hà Nội/Đà Nẵng: Nhà xuất bản Đà Nẵng và Trung tâm tự điển học. (Dictionary of Vietnamese. Hanoi/Danang: Publisher of Danang and Center of Lexicography.)
- Hoàng Tiến Tựu. 2002. *Bình giảng ca dao*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục. (Annotating folk songs. Hanoi: Publisher of Education.)

- Hoang Thinh et al. 2000. *Vietnamese phrasebook*. Australia: Lonely Planet Publications Pty Ltd.
- Ibarretxe-Antunano, I. 1999. *Polysemy and metaphor in perception verbs: a cross-linguistic study*. PhD Thesis. University of Edinburgh.
- Jamieson, Neil L. 1995. *Understanding Vietnam*. California: University of California Press.
- Kovecses, Zoltan. 1986. *Metaphors of anger, pride and love*. Amsterdam/Philadelphia: John Benjamin Publishing Company.
- _____. 2000. *Metaphor and emotion. Language, culture and body in human feeling*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Lakoff, George. 1987. *Women, fire and dangerous things: what categories reveal about the mind*. The Chicago: University of Chicago Press.
- _____. 1993. The contemporary theory of metaphor. In: Ortony, Andrew, (e.d.).
- Lakoff, George and Mark Johnson. 1980. *Metaphors we live by*. Chicago: University of Chicago Press.
- Lakoff, George and Mark Turner. 1989. *More than cool reason: A field guide to poetic metaphor*. Chicago: University of Chicago Press.
- Mai Ngọc Chừ et al. 1991. *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. Hà Nội: Nhà xuất bản đại học và giáo dục chuyên nghiệp. (*Basis of linguistics and Vietnamese*. Hanoi: Publisher of Education).
- Nguyễn Đăng Liêm. 1969. *Four syllable idiomatic expressions in Vietnamese*. Occasional papers of research publications and translations. Honolulu, Hawaii: East-West Center.

- _____. 1970. *A contrastive phonological analysis of English and Vietnamese*. Pacific Linguistics, Series C, No. 8, Vol. 4. Australia: The Australian National University.
- Nguyễn Kim Thản. 1997. *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*. Hà Nội: Nhà xuất bản giáo dục. (*A study on Vietnamese grammar*. Hanoi: Publisher of Education.)
- Nguyễn Minh Bắc. 2001. Đọc bài thơ Đợi của Vũ Quần Phương. Tạp chí Ngôn ngữ số 4, 2001. Hà Nội: Viện ngôn ngữ học. (When reading the poem of *Đoi* 'Wait' by Vu Quan Phuong. In *Ngôn ngữ*, Number 4, 2001. Hanoi: Institute of Linguistics.)
- Nguyễn Như Ý (ed.), 3rd edition. 2001. *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*. Nhà xuất bản giáo dục. (*Dictionary of Linguistic Terminologies*. Publisher of Education.)
- Nguyễn Như Ý (ed.). 1999. *Đại từ điển tiếng Việt*. Hà Nội: Nhà xuất bản văn hoá-thông tin. (*Dictionary of Vietnamese*. Hanoi: Publisher of culture and information.)
- Nguyễn Thị Ngọc Diệp (ed.). 2001. Tìm hiểu nguồn gốc biểu tượng của ca dao Việt Nam, 328-41. Trong: Bùi Mạnh Nhị (chủ biên). (A study on origin of symbols in Vietnamese folk songs, 328-41. In: Bui, Manh Nhi (ed.))
- _____. 2003. *Ca dao- Dân ca, Đẹp và hay*. Thành phố Hồ Chí Minh: Hội nghiên cứu và giảng dạy văn học Thành phố Hồ Chí Minh. (*Beautiful folk songs*, Ho Chi Minh City: Institute of literature teaching.)
- Ortony, Andrew, (e.d.). 1993. *Metaphor and thought* (2nd ed). Cambridge: University Press.

- Osborne, Mark. 2001. *Anthropological Linguistics, Handout 5, Worldview.* (Unpublished manuscript).
- Palmer, Gary B. 1996. *Toward a theory of cultural linguistics.* The University of Texas Press.
- Pawet Kornacki. 2001. *Concepts of anger in Chinese.* In Harkins, Jean and Anna Wierzbicka (ed.).
- Phan Hồng Xuân. 2001a. *Mấy nhận xét về cách sử dụng ẩn dụ của các nhà Thơ Mới trong Thi nhân Việt Nam.* Tạp chí Ngôn ngữ số 4, 2001. Hà Nội: viện ngôn ngữ học. (Some remarks on metaphor used by “Tho moi” in *Thi nhan Viet Nam*). In *Ngôn ngữ*, Number 4, 2001. Hanoi: Institute of Linguistics.)
- _____. 2001b. *Mấy nhận xét về cách sử dụng ẩn dụ của các nhà Thơ Mới trong Thi nhân Việt Nam.* Tạp chí Ngôn ngữ số 8, 2001. Hà Nội: viện ngôn ngữ học. (Some remarks on metaphor used by “Tho moi” in *Thi nhan Viet Nam*). In *Ngôn ngữ*, Number 8, 2001. Hanoi: Institute of Linguistics.)
- Phong Lê, Vũ Văn Sĩ et al. 2002. *Thơ Việt Nam hiện đại.* Hà Nội: Nhà xuất bản Lao Động. (*Modern Vietnamese poems.* Hanoi: Publisher of Lao Dong).
- Rikio Teruya. 2001. *The conceptual structure of love and related emotions in part three of the Japanese novel ‘Kokoro’.* Chiangmai, Thailand: Payap University (MA Thesis).
- Sagemueller, Ernst. 2001. *Văn miếu- Quốc tử giám* (Temple of literature). Hà Nội: Nhà xuất bản thông tấn.
- Scupin, Raymond. 1992. *Cultural Anthropology, a global perspective* (2nd edition). New Jersey: Prentice Hall.

- Suvanna Kriengkraipetch et al. 1992. *Value conflicts in Thai society. Agonies of change seen in short stories*. Thailand: Social Research Institute, Chulalongkorn University in cooperation with East-West Center, Honolulu, Hawaii, USA.
- Thompson Laurence C. 1984. *A Vietnamese reference grammar*. (Mon-Khmer Studies XIII-XIV, A Journal of Southeast Asian Philology, ed. By Stephen O' Harrow). University of Hawaii Press.
- Triều Nguyên. 2000. *Bình giải ca dao*. Huế: Nhà xuất bản Thuận Hóa. (Commenting folk songs. Hue: Publisher of Thuan Hoa.)
- Trịnh Sâm. 2001. *Đi tìm bản sắc tiếng Việt*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản trẻ. (On the way to find the beauty of Vietnamese. Ho Chi Minh City: Publisher of the Youth.)
- Ukosakul, Margaret. 1999. *Conceptual metaphors motivating the use of Thai "face"*. Chiang mai, Thailand: Payap University. (MA Thesis)
- _____. 2002. *Metaphor and Metonymy*. (Unpublished manuscript).
- Vũ Ngọc Phan. 1999. *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*. Tái bản lần thứ 12. Hà Nội: Nhà xuất bản khoa học xã hội. (A collection of Vietnamese proverbs and folk songs, 12th edition. Hanoi: Publisher of Social Sciences.)
- Vũ Tiến Quỳnh, 1995. *Phê bình, bình luận văn học- ca dao, tục ngữ*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh. (Commenting literature: folksongs and proverbs. Ho Chi Minh City: Publisher of Van nghe.)
- Vuong G. Thuy. 1976. *Getting to know the Vietnamese and their culture*. New York: Frederick Ungar Publishing Co.
- <http://www.vietnametourism.com/vietnam>
- <http://viethoc.org>

<http://www.vnn.vn.amnhac>

<http://www.vnn.vn/vnn3/music/>

<http://www.fpt.vn>

PAYAP UNIVERSITY